

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Ông Thái Bình Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 538/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị X**, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: **Tổ B, ấp A, xã G, tỉnh Kiên Giang**; địa chỉ tạm trú: **Nhà trọ Huỳnh Thu S, Đường D, Tổ C, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cước công dân: 096191007344, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Danh T**, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: **Tổ B, ấp A, xã G, tỉnh Kiên Giang**; địa chỉ tạm trú: **Nhà trọ Huỳnh Thu S, Đường D, Tổ C, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cước công dân: 091091015301, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bà **Trịnh Thị X** là nguyên đơn trình bày:

Bà **Trịnh Thị X** và ông **Danh T** kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn bà **Trịnh Thị X** và ông **Danh T** đến tỉnh Bình Dương sinh sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung xảy ra cãi vã, ông **T** không phụ bà **X** lo cho các con. Hiện nay, bà **X** và ông **T** đã ly thân được khoảng 02 tháng, không hàn gắn được nên bà **X** yêu cầu ly hôn với ông **T**.

Bà **Trịnh Thị X** và ông **Danh T** có 02 con chung tên **Danh Thị Khánh V**, sinh ngày 31/8/2015 và **Danh Thị Khánh N**, sinh ngày 26/01/2018. Hiện nay các con chung đang sống cùng với bà **X** nên bà **X** yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con chung. Bà **X** hiện đang làm công nhân tại Công ty P, địa chỉ: đường số A, khu công nghiệp V mở rộng, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập khoảng 12.000.000/tháng; ông **T** là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Bà **X** đang ở nhà trọ cùng với mẹ ruột nên khi bà **X** đi làm có người phụ giúp nuôi các con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông **Danh T**. Tuy nhiên, ông **T** không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà **Trịnh Thị X** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông **Danh T** đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trịnh Thị X** đối với bị đơn ông **Danh T** về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/01/2026, bà **Trịnh Thị X** là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông **Danh T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông **T** vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trịnh Thị X** và ông **Danh T** tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Kiên Giang), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174, quyển số 01-2014 ngày 28/11/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà **Trịnh Thị X** xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà **X** và ông **T** không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, bà **X** xác định không còn tình cảm và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông **T**. Bị đơn ông **Danh T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng ông **T** vắng mặt không có lý do, thể hiện ông **T** không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà **X** và ông **T** đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà **Trịnh Thị X** đối với ông **Danh T** là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà **Trịnh Thị X** và ông **Danh T** có 02 con chung tên **Danh Thị Khánh V**, sinh ngày 31/8/2015 và **Danh Thị Khánh N**, sinh ngày 26/01/2018. Bà **X** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, cháu **V** và cháu **N** đang sống cùng với bà **X**. Quá trình giải quyết vụ án, cháu **V** và cháu **N** có nguyện vọng được sống với mẹ. Do vậy, để đảm bảo ổn định về chỗ ở và học tập cho các cháu, việc giao cháu **V** và cháu **N** cho bà **X** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trịnh Thị X** đối với bị đơn ông **Danh T** về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trịnh Thị X** được ly hôn với ông **Danh T**.

- Về con chung: Giao cháu **Danh Thị Khánh V**, sinh ngày 31/8/2015 và **Danh Thị Khánh N**, sinh ngày 26/01/2018 cho bà **Trịnh Thị X** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà **Trịnh Thị X** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042315 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND X. Gò Quao, T. Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Vũ Thị Nga